

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-4-2021

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Ông **Đỗ Minh Thân**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1986.

ĐKKHKT: Khu 17, xã X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

(Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Chị **Quách Thị N**, sinh năm 1994;

ĐKKHKT: Khu 17, xã X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Quách Thị N đăng ký kết hôn ngày 28/12/2016, tại Ủy ban nhân dân xã X, trên cơ sở tự nguyện và đúng là tự nguyện. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong suy nghĩ và lối sống. Anh và chị N ly thân kể từ tháng 7 năm 2020, đã không còn thực tế chung sống. Chị N không còn quan tâm đến cuộc sống vợ chồng và các con. Anh một mình nuôi dạy các con chung từ khi anh chị ly thân đến nay. Anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Quách Thị N.

Về con chung: Anh V xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Doan T, sinh ngày 18/5/2013 và cháu Nguyễn Bảo G, sinh ngày 02/01/2015, hiện

đang ở với anh. Khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi cháu T và cháu G, không yêu cầu chị Quách Thị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh V không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị Quách Thị N đến làm việc và thông báo cho chị N đến tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên chị N đều vắng mặt không đến mặc dù Tòa án đã niêm yết công khai và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

*Trong biên bản lấy lời khai bà Bùi Thị Xinh là mẹ đẻ của chị Quách Thị N; Bà Xinh trình bày:

Chị Quách Thị N là con đẻ của bà và ông Quách Văn Nghịch (đã chết). Chị N sau khi kết hôn với anh Nguyễn Văn V thì không còn sinh sống cùng gia đình bà nữa, Chị N thì thoảng có về thăm bà vài ngày lại đi. Chị N hiện nay nếu không sinh sống cùng Anh V thì bà không biết chị sống ở đâu, làm gì do chị N không nói rõ cho bà biết. Bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy và cam đoan giao cho chị N.

*Tại biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Tự Do, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình: Chị Quách Thị N hiện nay sinh sống thực tế ở đâu, làm gì, chính quyền địa phương không biết, không nắm rõ. Tuy nhiên, thì thoảng chị có về thăm mẹ là bà Bùi Thị Xinh, sau đó đi đâu không rõ.

*Tại biên bản lấy lời khai của chị Nguyễn Thị Hồng là chị ruột của anh Nguyễn Văn V; chị trình bày:

Gia đình chị chỉ có 02 chị em ruột, bố mẹ đẻ của chị và Anh V đều đã chết. Anh V kết hôn với chị Quách Thị N ngày 28/12/2016, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã X. Cuộc sống sau khi kết hôn của Anh V và chị N ban đầu thì hòa hợp nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, chị N và Anh V đã ly thân từ khoảng tháng 7 năm 2020. Sau khi ly thân, chị N không còn quan tâm, thăm hỏi chồng và các con. Anh V một mình nuôi dạy con cái. Anh V và chị N có 02 con chung là cháu Nguyễn Đoan T, sinh ngày 18/5/2013 và cháu Nguyễn Bảo G, sinh ngày 02/01/2015, hiện đang ở cùng Anh V.

*Tại biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Đoan T là con chung của Anh V và chị N; cháu T trình bày:

Cháu sinh ngày 18/5/2013, hiện cháu đang học lớp 2, trường Tiểu học X 1, cháu học tập và có sức khỏe tốt. Cháu được bố Nguyễn Văn V quan tâm, chăm sóc và dạy bảo tốt. Nguyên vọng của cháu là được ở với bố Nguyễn Văn V nếu bố mẹ cháu ly hôn. Cháu có em là Nguyễn Bảo G, sinh ngày 02/01/2015, hiện đang học trường mầm non Hoa Mai. Em G cũng được bố Vang chăm sóc, dạy bảo. Cháu muốn em G được ở chung với cháu và không muốn tách rời hai chị em.

*Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân, Hội liên hiệp phụ nữ và Công an xã X, xác định:

Anh Nguyễn Văn V và chị Quách Thị N kết hôn với nhau ngày 28/12/2016, đăng ký tại UBND xã X trên cơ sở tự nguyện và đúng pháp luật. Vợ chồng Anh V, chị N đã có 02 con chung là cháu Nguyễn Đoan T, sinh ngày 18/5/2013 và cháu Nguyễn Bảo G, sinh ngày 02/01/2015. Anh V, chị N, cháu T, cháu G đều đăng ký hộ

khẩu tại: Khu 17, xã X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú. Quá trình vợ chồng chung sống giữa Anh V và chị N sau khi đăng ký kết hôn: Ban đầu thì hòa hợp nhưng sau đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện Anh V và chị N đang sống ly thân và không còn thực tế chung sống. Cháu T và cháu G hiện đang ở cùng Anh V tại khu 17, xã X. Nguyên nhân có sự tranh chấp về con chung là do anh Nguyễn Văn V có nguyện vọng được nuôi con. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

** Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Anh V, xử cho Anh V được ly hôn chị N; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đoàn T và cháu Nguyễn Bảo G cho Anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu T và cháu G thành niên; chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này; Về án phí: Anh V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục Tố tụng:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho chị N về việc thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập, thông báo cho chị N đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tuy nhiên chị N đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, người thân của chị N, niêm yết văn bản tố tụng cho chị N theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào quy định tại Khoản 1, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh V kết hôn với chị Quách Thị N vào ngày 28/12/2016, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Đây một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Anh V, chị N đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn thực tế chung sống. Nay Anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị được ly hôn chị N. Hội đồng xét xử xét thấy, hai bên không có biện pháp hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm hai bên đã hết, đời sống chung không còn tồn

tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của Anh V, xử cho Anh V được ly hôn chị N là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh V, chị N có 02 con chung là cháu Nguyễn Đoan T, sinh ngày 18/5/2013 và cháu Nguyễn Bảo G, sinh ngày 02/01/2015, hiện đang ở cùng Anh V. Các cháu hiện mạnh khỏe, được Anh V chăm sóc, dạy bảo và được học tập chu đáo. Anh V đề nghị, khi ly hôn anh xin được nuôi cháu T và cháu G. Xét thấy đề nghị của Anh V là chính đáng, do vậy cần giao cho Anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu T và cháu G đến khi thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V không yêu cầu nên chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Anh V.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Anh V không yêu cầu. Do vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Anh V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên VKSND huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn V được ly hôn chị Quách Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đoan T, sinh ngày 18/5/2013 và cháu Nguyễn Bảo G, sinh ngày 02/01/2015 cho anh Nguyễn Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày 27/4/2021 cho đến khi cháu T và cháu G thành niên.

Chị Quách Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Anh V và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000708 ngày 19/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lâm

Đỗ Minh Thân

Phạm Thị Hồng

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng